TẠP CHÍ KHOA HỌC ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
Dong Thap University Journal of Science
Số Đặc biệt Chuyên san Khoa học Xã hội và Nhân văn
ISSN 0866-7675 | e-ISSN 2815-567X

***DOI: https://doi.org/10.52714/dthu.14.07S.2025.1721***

# THỰC TRẠNG QUẢN LÍ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM TRONG DẠY HỌC MÔN TIẾNG ANH Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHƯỜNG RẠCH DỪA, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**Hồ Văn Thống[1] và Nguyễn Thị Tuyết Minh[2*]**

*[1]Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

*[2]Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

*[*]Tác giả liên hệ, Email: Nguyentuyetminh.vt@gmail.com*

**Lịch sử bài báo**

*Ngày nhận: 19/12/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 01/01/2026; Ngày duyệt đăng: 07/01/2026*

**Tóm tắt**

*Hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Tiếng Anh theo định hướng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển năng lực giao tiếp, năng lực ngôn ngữ và các phẩm chất chủ động - sáng tạo của học sinh trung học cơ sở. Nghiên cứu tập trung khảo sát thực trạng công tác quản lí hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn tiếng Anh tại các trường trung học cơ sở thuộc Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, nhằm xác định mức độ thực hiện và những khó khăn - hạn chế trong thực tiễn. Nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi theo thang đo Likert 5 bậc, kết hợp phỏng vấn sâu, triển khai trên 20 cán bộ quản lý và 40 giáo viên tiếng Anh. Nội dung khảo sát tập trung vào 04 chức năng quản lí: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra - đánh giá. Kết quả cho thấy, hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Tiếng Anh đã được triển khai ở mức độ nhất định, tuy nhiên tính hệ thống và tính đồng bộ giữa các khâu quản lí còn hạn chế. Khâu lập kế hoạch được đánh giá khá tốt, nhưng việc tổ chức thực hiện và kiểm tra - đánh giá còn thiếu tiêu chí cụ thể, chưa gắn chặt với yêu cầu phát triển năng lực ngôn ngữ. Kết quả nghiên cứu là cơ sở thực tiễn quan trọng để đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lí hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Tiếng Anh ở các trường trung học cơ sở thuộc Phường Rạch Dừa, góp phần cải thiện chất lượng dạy học và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.*

**Từ khóa:** *Dạy học Tiếng Anh, hoạt động trải nghiệm, Phường Rạch Dừa, trường trung học cơ sở.*

Trích dẫn: Hồ, V. T., & Nguyễn, T. T. M. (2025). Thực trạng quản lí hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Tiếng Anh ở các trường trung học cơ sở phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, *14*(07S), 266-277. https://doi.org/10.52714/dthu.14.07S.2025.1721

Copyright © 2025 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

# CURRENT MANAGEMENT OF EXPERIENTIAL ACTIVITIES IN TEACHING ENGLISH AT SECONDARY SCHOOLS IN RACH DUA WARD, HO CHI MINH CITY

**Ho Van Thong[1] and Nguyen Thi Tuyet Minh[2*]**

*[1]Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

*[2]Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

*[*]Corresponding author, Email: Nguyentuyetminh.vt@gmail.com*

**Article history**

*Received: 19/12/2025; Received in revised form: 01/01/2026; Accepted: 07/01/2026*

**Abstract**

*Experiential learning activities in English language teaching under the 2018 General Education Curriculum, play a crucial role in developing communicative competence, linguistic ability, and the proactive-creative qualities of lower secondary students. This study investigates the current management practices of experiential English learning at lower secondary schools in Rach Dua Ward, Ho Chi Minh City, with the aim of identifying the level of implementation as well as existing difficulties and limitations in practice. A mixed-methods approach was employed, combining questionnaire surveys and in-depth interviews with 20 school managers and 40 English teachers. The survey instrument used a five-point Likert scale and focused on four managerial functions: planning, implementation, direction, and inspection-evaluation. The findings indicate that experiential English learning has been implemented to a certain extent; however, the working management remains limited. The planning stage received relatively positive evaluations, whereas implementation and inspection-evaluation lacked clear criteria and were not closely aligned with the requirements for developing students' linguistic competence. The results provide an important empirical basis for proposing measures to enhance the effectiveness of managing experiential learning activities in English language teaching at lower secondary schools in Rach Dua Ward, thereby contributing to improving teaching quality and meeting current educational reform demands.*

**Keywords:** *Experiential learning activities, English language teaching, lower secondary school,Rach Dua Ward.*

## 1. Giới thiệu

Trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam, yêu cầu gắn kết học tập với thực tiễn và phát triển năng lực người học được xác định rõ trong Luật Giáo dục năm 2019, nhấn mạnh việc "học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn" như một định hướng mang tính chiến lược (Quốc hội, 2019). Trên cơ sở đó, Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (CTGDPT 2018) đã đưa hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (HĐTN-HN) trở thành một nội dung giáo dục bắt buộc xuyên suốt các cấp học nhằm tạo môi trường để học sinh (HS) tham gia vào các tình huống thực tế, vận dụng kiến thức - kỹ năng vào đời sống, phát triển phẩm chất và năng lực toàn diện (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018a). Đối với môn Tiếng Anh ở cấp trung học cơ sở (THCS), CTGDPT 2018 định hướng dạy học theo tiếp cận năng lực giao tiếp, khuyến khích triển khai các dạng HĐTN, hoạt động dự án, nhiệm vụ giao tiếp thực tiễn nhằm tăng cường khả năng sử dụng ngoại ngữ của học sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018b; Trịnh, 2024).

Về cơ sở lý luận, lý thuyết học tập trải nghiệm của Kolb (1984) cho rằng học tập là quá trình chuyển hóa kinh nghiệm thông qua chu trình bốn bước: trải nghiệm cụ thể, phản tỉnh, khái quát hóa và vận dụng tích cực. Cách tiếp cận này được xem là phù hợp với dạy học ngoại ngữ, nơi người học cần được đặt vào ngữ cảnh giao tiếp thực tiễn nhằm phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ (Kujalová, 2006). Nhiều nghiên cứu quốc tế khẳng định rằng các HĐTN như nhập vai, dự án ngôn ngữ, hoạt động ngoài lớp học giúp tăng hứng thú, khả năng tương tác và sự tự tin của HS trong quá trình học Tiếng Anh (Barahmeh & Bsharat, 2021). Ở Việt Nam, Phan và Lê (2017) nhấn mạnh rằng "*học qua trải nghiệm*" là một phương pháp dạy học tích cực, trong đó giáo viên (GV) giữ vai trò tổ chức và dẫn dắt quá trình học tập hướng đến sự phát triển của người học trên nền tảng kinh nghiệm cá nhân.

Tổng quan nghiên cứu cho thấy nhiều công trình trong nước đã tập trung phân tích nội dung, mục tiêu, nguyên tắc và yêu cầu triển khai HĐTN-HN theo CTGDPT 2018 (Đinh & cs., 2019). Một số nghiên cứu gần đây phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả HĐTN tại các trường phổ thông ở Thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt liên quan đến quản lý, cơ sở vật chất và sự phối hợp giữa nhà trường - phụ huynh - cộng đồng (Bui, 2025). Trong lĩnh vực dạy học Tiếng Anh, nhiều nghiên cứu quốc tế cung cấp bằng chứng về hiệu quả tích cực của việc đưa trải nghiệm vào hoạt động học ngoại ngữ; tuy nhiên, tại Việt Nam, các nghiên cứu chủ yếu tập trung mô tả mô hình dạy học hoặc đánh giá mức độ hứng thú của HS, chưa thật sự làm rõ góc độ quản lý HĐTN trong nhà trường.

Từ tổng quan nêu trên, có thể nhận thấy khoảng trống nghiên cứu đáng chú ý: chưa có nhiều công trình phân tích một cách hệ thống về quản lý HĐTN trong dạy học môn Tiếng Anh ở cấp THCS, đặc biệt tại các địa bàn cụ thể của Thành phố Hồ Chí Minh. Các nội dung như lập kế hoạch, tổ chức chuyên môn, chỉ đạo thực hiện, kiểm tra - đánh giá HĐTN gắn với mục tiêu môn học vẫn còn ít được đề cập trong các nghiên cứu trong nước. Tại phường Rạch Dừa, dù các trường THCS đang triển khai CTGDPT 2018, nhưng chưa có nghiên cứu nào khảo sát thực trạng quản lý HĐTN trong dạy học môn Tiếng Anh.

Xuất phát từ yêu cầu lý luận, cơ sở pháp lý và khoảng trống thực tiễn nêu trên, việc nghiên cứu "*Thực trạng quản lí HĐTN trong dạy học môn Tiếng Anh ở các trường THCS phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh*" là cần thiết nhằm cung cấp luận cứ khoa học cho việc đề xuất các giải pháp quản lý phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng dạy học Tiếng Anh và thực hiện hiệu quả CTGDPT 2018 tại địa phương.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi kết hợp phỏng vấn nhằm thu thập dữ liệu về thực trạng quản lí HĐTN trong dạy học môn Tiếng Anh tại các trường THCS

thuộc phường Rạch Dừa. Bảng hỏi được thiết kế theo thang đo Likert 5 mức, tập trung đánh giá các nội dung: lập kế hoạch, tổ chức chuyên môn, chỉ đạo thực hiện, kiểm tra - đánh giá.

Khảo sát được thực hiện với 20 cán bộ quản lí và 40 GV thuộc bốn trường thuộc phường Rạch Dừa: THCS Nguyễn Thái Bình, THCS Ngô Sĩ Liên, THCS Thắng Nhất và THCS Nguyễn Trãi. Bên cạnh số liệu định lượng, phỏng vấn bán cấu trúc được tiến hành với một số CBQL và GV nhằm làm rõ các khó khăn, thuận lợi và yếu tố ảnh hưởng đến quá trình quản lí HĐTN trong môn Tiếng Anh.

Dữ liệu định lượng thu thập từ bảng hỏi được xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel, sử dụng các chỉ số thống kê mô tả: điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC) và xếp hạng (XH) theo các tiêu chí. Thang điểm được chia thành 5 mức theo khoảng cách đều [(5 - 1)/5 = 0,8], cụ thể như sau: Mức 1 (Kém): $1,00 \leq$ ĐTB $\leq 1,80$; Mức 2 (Yếu): $1,81 <$ ĐTB $\leq 2,6$; Mức 3 (Trung bình): $2,61 <$ ĐTB $\leq 3,4$; Mức 4 (Khá): $3,41 <$ ĐTB $\leq 4,20$; Mức 5 (Tốt): $4,20 <$ ĐTB $\leq 5,0$.

## 3. Kết quả nghiên cứu thực trạng quản lí hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn tiếng Anh tại các trường trung học cơ sở thuộc Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh

### 3.1. Thực trạng công tác lập kế hoạch hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn tiếng Anh

**Bảng 1. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về công tác lập kế hoạch hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn tiếng Anh**

| TT | Nội dung | Kết quả | | | | | ĐTB | ĐLC | XH |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | | |
| 1 | Trong quá trình lập kế hoạch, mục tiêu HĐTN môn Tiếng Anh tại trường đã được xác định rõ ràng, gắn với năng lực ngôn ngữ, năng lực giao tiếp và kỹ năng sống của HS | 1 | 1 | 41 | 17 | 0 | 3,23 | 0,69 | 1 |
| 2 | Nội dung và hình thức tổ chức HĐTN (như trải nghiệm trong lớp học, hoạt động ngoại khóa, dự án học tập, giao lưu văn hóa…) được lựa chọn và xây dựng phù hợp với mục tiêu môn học và điều kiện thực tiễn | 5 | 5 | 34 | 16 | 0 | 3,02 | 0,57 | 5 |
| 3 | Kế hoạch HĐTN đã xác định và huy động đầy đủ nguồn lực (GV, học liệu, cơ sở vật chất, đối tác xã hội) để đảm bảo tính khả thi trong triển khai. | 4 | 11 | 26 | 14 | 5 | 3,08 | 0,45 | 4 |
| 4 | Kế hoạch HĐTN có xác định rõ tiến độ và mốc thời gian thực hiện, đảm bảo tính logic và thuận lợi cho việc tổ chức. | 3 | 10 | 22 | 16 | 9 | 3,30 | 0,41 | 3 |
| 5 | Trong kế hoạch HĐTN, các tiêu chí đánh giá và cơ chế điều chỉnh được quy định rõ ràng nhằm bảo đảm hoạt động | 2 | 6 | 30 | 14 | 8 | 3,33 | 0,50 | 2 |

| TT | Nội dung | Kết quả | | | | | ĐTB | ĐLC | XH |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | | |
| | phù hợp mục tiêu và nhu cầu thực tiễn | | | | | | | | |
| 6 | Công tác lập kế hoạch HĐTN môn Tiếng Anh ở trường THCS được thực hiện một cách hệ thống, đồng bộ, tạo cơ sở cho tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra hiệu quả hoạt động | 3 | 3 | 40 | 12 | 2 | 3,12 | 0,64 | 3 |
| | **ĐTB chung** | | | | | | **3,18** | | |

Kết quả khảo sát CBQL và GV được trình bày ở Bảng 1 cho thấy ĐTB chung của công tác lập kế hoạch HĐTN đạt 3,18, nằm trong khoảng "Trung bình" theo thang đo. Điều này phản ánh mức độ thực hiện còn hạn chế, chưa đạt đến mức "Khá" hay "Tốt" như kỳ vọng. Tiêu chí có ĐTB cao nhất là: "*Trong kế hoạch HĐTN, các tiêu chí đánh giá và cơ chế điều chỉnh được quy định rõ ràng*" (ĐTB = 3,33; ĐLC = 0,50). Kết quả này cho thấy đội ngũ CBQL và GV có nhận thức nhất định về vai trò của việc xây dựng tiêu chí và cơ chế điều chỉnh nhằm bảo đảm hoạt động bám sát mục tiêu. Tuy nhiên, mức độ này mới chỉ đạt mức "Trung bình - Khá", chưa thật sự vững chắc. Tiêu chí có ĐTB thấp nhất là: "*Nội dung và hình thức tổ chức HĐTN được lựa chọn và xây dựng phù hợp với mục tiêu môn học và điều kiện thực tiễn*" (ĐTB = 3,02; ĐLC = 0,57). Điều này phản ánh sự hạn chế trong việc thiết kế các hình thức trải nghiệm đa dạng, gắn kết với điều kiện thực tế, đặc biệt là các hoạt động ngoài lớp học và giao lưu văn hóa.

Với ĐLC dao động từ 0,41 đến 0,69, cho thấy mức độ phân hóa ý kiến giữa các nhóm khảo sát là tương đối thấp; nhìn chung, đội ngũ có nhận thức gần tương đồng về thực trạng công tác lập kế hoạch HĐTN.

Kết quả phỏng vấn 02 CBQL: CBQL01 chia sẻ rằng: quá trình lập kế hoạch HĐTN thường chú trọng vào khung chương trình, nhưng chưa có sự linh hoạt trong việc gắn kết với điều kiện cơ sở vật chất và nguồn lực địa phương. Do đó, kế hoạch nhiều khi mang tính hình thức, khó triển khai hiệu quả trong thực tiễn. CBQL02 nhấn mạnh rằng: mặc dù mục tiêu HĐTN đã được xác định gắn với năng lực giao tiếp và kỹ năng sống của HS, nhưng sự phối hợp giữa GV bộ môn và các lực lượng xã hội ngoài nhà trường chưa đồng bộ, dẫn đến tính khả thi của kế hoạch chưa cao. Những chia sẻ này khớp với kết quả khảo sát định lượng, cho thấy tồn tại khoảng cách giữa định hướng trên giấy tờ và điều kiện triển khai thực tế.

Từ kết quả khảo sát và phỏng vấn, có thể rút ra một số kết luận: (1) Công tác lập kế hoạch HĐTN trong dạy học môn Tiếng Anh ở các trường THCS phường Rạch Dừa mới chỉ đạt mức trung bình, phản ánh sự thiếu đồng bộ và chưa có chiều sâu trong khâu chuẩn bị; (2) Các mục tiêu cơ bản đã được xác định, nhưng việc cụ thể hóa thành nội dung, hình thức tổ chức và huy động nguồn lực còn nhiều hạn chế; (3) Sự phân hóa ý kiến giữa CBQL và GV không cao, cho thấy đây là vấn đề mang tính hệ thống, đòi hỏi sự chỉ đạo chiến lược và hỗ trợ từ cấp quản lí. Nhìn chung, công tác lập kế hoạch đã có những nền tảng nhất định (xác định mục tiêu, xây dựng tiêu chí đánh giá), song cần cải thiện tính khả thi, đa dạng hóa nội dung trải nghiệm, cũng như tăng cường liên kết với các nguồn lực xã hội để nâng cao hiệu quả triển khai.

### 3.2. Thực trạng công tác tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn tiếng Anh

**Bảng 2. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về công tác lập tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn tiếng Anh**

| TT | Nội dung | Kết quả | | | | | ĐTB | ĐLC | XH |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | | |
| 1 | Việc tổ chức thực hiện HĐTN môn Tiếng Anh gắn kết với điều kiện thực tiễn của nhà trường, phù hợp với cơ sở vật chất và đặc thù của HS | 1 | 10 | 29 | 12 | 8 | 3,27 | 0,48 | 3 |
| 2 | Các HĐTN môn Tiếng Anh được tổ chức đa dạng (mô phỏng tình huống giao tiếp, thảo luận nhóm, đóng vai, tham quan, dự án cộng đồng, câu lạc bộ tiếng Anh), góp phần gắn kiến thức ngôn ngữ với thực tiễn giao tiếp | 3 | 8 | 22 | 16 | 11 | 3,40 | 0,41 | 1 |
| 3 | Công tác tổ chức HĐTN đảm bảo sự tham gia tích cực của HS; GV khuyến khích, tạo cơ hội để HS chủ động trải nghiệm và tự tin sử dụng tiếng Anh | 8 | 7 | 24 | 19 | 2 | 3,00 | 0,46 | 5 |
| 4 | HĐTN môn Tiếng Anh góp phần phát triển cho HS các năng lực quan trọng như giao tiếp, hợp tác, sáng tạo và tự tin trong học tập | 3 | 6 | 38 | 13 | 0 | 3,02 | 0,62 | 4 |
| 5 | Quá trình tổ chức HĐTN môn Tiếng Anh có cơ chế theo dõi, hỗ trợ và điều chỉnh linh hoạt (CBQL và GV thường xuyên quan sát, phản hồi, giải quyết khó khăn kịp thời) | 1 | 8 | 30 | 11 | 10 | 3,35 | 0,49 | 2 |
| **ĐTB chung** | | | | | | | **3,21** | | |

Kết quả khảo sát CBQL và GV được trình bày ở Bảng 2 cho thấy, ĐTB chung của các tiêu chí về công tác tổ chức thực hiện HĐTN trong dạy học môn Tiếng Anh đạt mức 3,21, nằm trong khoảng 2,61 – 3,40, được đánh giá là trung bình. Điều này phản ánh rằng việc tổ chức HĐTN đã được triển khai nhưng mức độ hiệu quả còn hạn chế, chưa đồng đều giữa các khía cạnh. Tiêu chí cao nhất: "*Các HĐTN môn Tiếng Anh được tổ chức đa dạng*" đạt ĐTB = 3,40; ĐLC = 0,41 - mức trung bình cao, xếp thứ 1. Điều này cho thấy các nhà trường đã bước đầu quan tâm đến việc thiết kế nhiều hình thức như mô phỏng giao tiếp, thảo luận nhóm, đóng vai, tham quan, dự án cộng đồng hay câu lạc bộ tiếng Anh. Tuy nhiên, mức độ mới dừng ở trung bình, chưa đạt mức khá hay tốt, phản ánh tính đa dạng vẫn mang tính thử nghiệm, chưa đi vào chiều sâu. Tiêu chí thấp nhất: "*Công tác tổ chức HĐTN đảm bảo sự tham gia tích cực của HS*" có ĐTB = 3,00; ĐLC = 0,46, xếp cuối cùng. Kết quả này cho thấy HS tuy có tham gia nhưng chưa thực sự chủ động, sự khuyến khích từ phía GV chưa tạo được động lực mạnh mẽ để HS tự tin sử dụng tiếng Anh trong các tình huống trải nghiệm.

Với ĐLC dao động từ 0,41 đến 0,62. Trong đó, tiêu chí "*phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo*" có ĐLC = 0,62, cao nhất, phản ánh sự chênh lệch trong nhận định của CBQL và GV. Một số trường làm tốt, nhưng một số trường khác lại hạn chế, dẫn đến mức độ

đánh giá chưa đồng nhất.

Phỏng vấn CBQL: CBQL03 nhấn mạnh: "Nhà *trường đã có nỗ lực tổ chức nhiều hình thức HĐTN, song do điều kiện cơ sở vật chất và sĩ số lớp học đông nên hiệu quả chưa như mong đợi. GV vẫn lúng túng trong việc khuyến khích HS tự tin giao tiếp bằng tiếng Anh*.". CBQL04 cho rằng: "*Việc theo dõi và hỗ trợ trong quá trình tổ chức HĐTN còn hạn chế. CBQL và GV chưa có cơ chế phối hợp chặt chẽ để kịp thời phản hồi và điều chỉnh, dẫn đến việc HS tham gia nhưng chưa sâu, đôi khi mang tính hình thức*."

Có thể khẳng định, công tác tổ chức thực hiện HĐTN môn Tiếng Anh ở các trường THCS phường Rạch Dừa mới đạt mức trung bình, chưa thực sự phát huy được vai trò then chốt trong đổi mới phương pháp dạy học. Điểm mạnh nằm ở việc đa dạng hóa hình thức HĐTN, nhưng điểm yếu rõ rệt là sự tham gia tích cực và tự tin của HS còn thấp, cơ chế giám sát và hỗ trợ chưa đồng bộ. Điều này đòi hỏi các biện pháp quản lí chặt chẽ hơn, đặc biệt là tăng cường sự phối hợp giữa CBQL và GV, cũng như đầu tư điều kiện cơ sở vật chất và kỹ năng tổ chức của GV nhằm nâng cao chất lượng HĐTN trong môn Tiếng Anh.

### 3.3. Thực trạng công tác chỉ đạo thực hiện hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn tiếng Anh

**Bảng 3. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về công tác chỉ đạo thực hiện hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn tiếng Anh**

| TT | Nội dung | Kết quả | | | | | ĐTB | ĐLC | XH |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | | |
| 1 | Công tác chỉ đạo định hướng của Ban giám hiệu đối với HĐTN môn Tiếng Anh luôn gắn với mục tiêu CTGDPT 2018, chú trọng phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác và tự chủ cho HS | 0 | 13 | 26 | 19 | 2 | 3,17 | 0,50 | 2 |
| 2 | Lãnh đạo nhà trường thường xuyên hướng dẫn chuyên môn cho GV trong việc thiết kế HĐTN phù hợp với trình độ HS (như: đóng vai, thuyết trình, phỏng vấn, tham quan, dự án nhóm) | 0 | 1 | 45 | 14 | 0 | 3,22 | 0,74 | 1 |
| 3 | Nhà trường luôn hỗ trợ GV trong việc lựa chọn nội dung, xây dựng kịch bản, phân bổ thời gian và xác định phương pháp đánh giá HĐTN môn Tiếng Anh | 4 | 3 | 34 | 19 | 0 | 3,13 | 0,59 | 3 |
| 4 | Công tác chỉ đạo phối hợp giữa Ban giám hiệu, tổ chuyên môn, GV bộ môn và các lực lượng xã hội bên ngoài (phụ huynh, đoàn thể, cộng đồng) được thực hiện chặt chẽ, hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng HĐTN | 3 | 6 | 35 | 11 | 3 | 3,09 | 0,58 | 5 |
| 5 | Ban giám hiệu thường xuyên thực hiện giám sát, dự giờ, kiểm tra chuyên đề và khảo sát phản hồi HS để kịp thời phát hiện khó khăn, điều chỉnh kế hoạch HĐTN môn Tiếng Anh | 5 | 9 | 26 | 15 | 5 | 3,10 | 0,45 | 4 |

| TT | Nội dung | Kết quả | | | | | ĐTB | ĐLC | XH |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | | |
| 6 | Việc giám sát và điều chỉnh HĐTN trong dạy học môn Tiếng Anh mang tính hỗ trợ, khuyến khích đổi mới thay vì kiểm soát cứng nhắc, góp phần nâng cao chất lượng dạy học | 6 | 7 | 29 | 16 | 3 | 3,05 | 0,49 | 6 |
| **ĐTB chung** | | | | | | | **3,13** | | |

Kết quả khảo sát ở Bảng 3 cho thấy, ĐTB chung của công tác chỉ đạo thực hiện HĐTN trong dạy học môn Tiếng Anh ở các trường trung học cơ sở phường Rạch Dừa đạt 3,13/5, nằm trong mức trung bình theo thang đánh giá. Với ĐLC dao động từ 0,45 đến 0,74, phản ánh sự tương đối đồng thuận trong ý kiến của CBQL và GV , mặc dù ở một số tiêu chí vẫn tồn tại sự phân tán nhất định. Trong các tiêu chí, "*Lãnh đạo nhà trường thường xuyên hướng dẫn chuyên môn cho GV trong việc thiết kế HĐTN phù hợp với trình độ HS*" đạt điểm cao nhất (ĐTB = 3,22; ĐLC = 0,74). Điều này cho thấy công tác chỉ đạo chuyên môn đã được nhà trường chú trọng, tạo điều kiện thuận lợi để GV triển khai HĐTN hiệu quả. Ngược lại, tiêu chí có điểm thấp nhất là "*Việc giám sát và điều chỉnh HĐTN mang tính hỗ trợ, khuyến khích đổi mới thay vì kiểm soát cứng nhắc*" với ĐTB = 3,05; ĐLC = 0,49, phản ánh rằng công tác giám sát còn thiên về kiểm tra hành chính, chưa thực sự trở thành động lực khuyến khích sáng tạo cho GV.

Kết quả phỏng vấn CBQL: Phỏng vấn CBQL05 cho thấy, ban giám hiệu đã xây dựng kế hoạch chỉ đạo theo hướng gắn chặt với Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, tập trung phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác của HS. Tuy nhiên, hạn chế lớn là sự phối hợp giữa các lực lượng ngoài nhà trường (phụ huynh, đoàn thể, cộng đồng) còn thiếu tính thường xuyên, dẫn đến việc triển khai HĐTN chưa đồng bộ. Trong khi đó, CBQL06 nhấn mạnh rằng, mặc dù ban giám hiệu có giám sát, dự giờ và khảo sát phản hồi HS, nhưng hoạt động này chưa thực sự mang tính chất hỗ trợ, mà đôi khi tạo áp lực cho GV. CBQL02 cũng cho rằng để nâng cao chất lượng, cần đổi mới phương pháp giám sát theo hướng khuyến khích sáng tạo, thay vì thiên về kiểm soát hình thức.

Từ kết quả định lượng và định tính, có thể thấy công tác chỉ đạo thực hiện HĐTN trong dạy học môn Tiếng Anh ở các trường trung học cơ sở phường Rạch Dừa đạt mức trung bình, thể hiện sự nỗ lực nhất định của nhà trường trong việc định hướng, hỗ trợ và giám sát. Tuy nhiên, sự chênh lệch giữa các tiêu chí phản ánh những bất cập: trong khi hướng dẫn chuyên môn được quan tâm, thì việc giám sát và phối hợp lực lượng xã hội chưa thực sự hiệu quả.

### 3.4. Thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá Hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn tiếng Anh

**Bảng 4. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn tiếng Anh**

| TT | Nội dung | Kết quả | | | | | ĐTB | ĐLC | XH |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | | |
| 1 | Công tác kiểm tra, đánh giá HĐTN môn Tiếng Anh được xây dựng dựa trên tiêu chí rõ ràng, gắn với mục tiêu chương trình và năng lực cần hình thành (ngôn ngữ, tư duy phản biện, giao tiếp liên văn hóa…) | 3 | 10 | 27 | 17 | 3 | 3,12 | 0,48 | 4 |

| TT | Nội dung | Kết quả | | | | | ĐTB | ĐLC | XH |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | | |
| 2 | Các tiêu chí đánh giá HĐTN phản ánh đúng năng lực thực tiễn của HS, bảo đảm tính toàn diện và khả thi | 3 | 11 | 27 | 15 | 4 | 3,10 | 0,47 | 5 |
| 3 | Việc kiểm tra, đánh giá HĐTN được phân công trách nhiệm rõ ràng giữa GV bộ môn, GV chủ nhiệm và cán bộ quản lí, bảo đảm khách quan, minh bạch | 6 | 4 | 31 | 11 | 8 | 3,18 | 0,50 | 1 |
| 4 | Kết quả kiểm tra, đánh giá HĐTN được phản hồi kịp thời, đầy đủ cho HS, phụ huynh và tập thể sư phạm, tạo điều kiện điều chỉnh quá trình dạy học | 5 | 10 | 23 | 15 | 7 | 3,15 | 0,42 | 2 |
| 5 | Dữ liệu từ công tác kiểm tra, đánh giá được sử dụng để cải tiến nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức HĐTN trong các giai đoạn tiếp theo | 4 | 10 | 24 | 18 | 4 | 3,13 | 0,45 | 3 |
| 6 | Công tác kiểm tra, đánh giá HĐTN môn Tiếng Anh ở trường hiện nay góp phần nâng cao chất lượng dạy học và phát triển năng lực toàn diện cho HS | 5 | 4 | 38 | 8 | 5 | 3,07 | 0,60 | 6 |
| **ĐTB chung** | | | | | | | **3,13** | | |

Kết quả khảo sát 6 tiêu chí được trình bày ở Bảng 4 cho thấy ĐTB chung đạt 3,13, thuộc mức "trung bình" theo thang đo đánh giá. Với ĐLC dao động từ 0,42 đến 0,60, cho thấy sự phân tán ý kiến ở mức vừa phải, không có sự chênh lệch quá lớn giữa CBQL và GV. Tiêu chí cao nhất: "*Việc kiểm tra, đánh giá HĐTN được phân công trách nhiệm rõ ràng giữa GV bộ môn, GV chủ nhiệm và CBQL, bảo đảm khách quan, minh bạch*" với ĐTB = 3,18 (ĐLC = 0,50). Điều này phản ánh các nhà trường đã có sự chú ý trong phân công, phối hợp trách nhiệm. Tiêu chí thấp nhất: "*Công tác kiểm tra, đánh giá HĐTN môn Tiếng Anh ở trường hiện nay góp phần nâng cao chất lượng dạy học và phát triển năng lực toàn diện cho HS*" với ĐTB = 3,07 (ĐLC = 0,60). Điểm số thấp nhất cho thấy CBQL và GV chưa thực sự đánh giá cao vai trò tác động tổng thể của hoạt động này đối với chất lượng dạy học. Như vậy, nhìn chung công tác kiểm tra, đánh giá HĐTN ở mức trung bình, có những mặt mạnh về phân công trách nhiệm nhưng còn hạn chế trong việc phát huy hiệu quả giáo dục toàn diện.

Kết quả phỏng vấn CBQL: CBQL01 cho rằng mặc dù nhà trường đã có quy định và kế hoạch đánh giá HĐTN, nhưng việc triển khai đôi khi mang tính hình thức, phản hồi đến HS và phụ huynh chưa kịp thời. Ông nhấn mạnh cần có công cụ đánh giá cụ thể và gắn kết hơn với năng lực thực tiễn của HS. CBQL02 bổ sung rằng dữ liệu từ kiểm tra, đánh giá hiện nay chưa được khai thác hiệu quả để cải tiến phương pháp và nội dung tổ chức HĐTN. Nhiều GV vẫn coi hoạt động này là "phụ trợ", chưa đặt ngang tầm với các hoạt động chính khóa, dẫn đến chất lượng đánh giá chưa phản ánh đầy đủ năng lực HS. Các ý kiến phỏng vấn cho thấy, mặc dù đã có nền tảng quản lí, công tác đánh giá vẫn thiếu tính hệ thống, chưa phát huy hết vai trò cải tiến dạy học.

Qua phân tích định lượng và định tính, có thể khẳng định rằng: Công tác phân công trách nhiệm được đánh giá cao, thể hiện sự quan tâm đến tính minh bạch và khách quan. Tuy

nhiên, các khâu phản hồi kết quả và sử dụng dữ liệu để cải tiến chưa được thực hiện đồng bộ. Đây là nguyên nhân chính khiến hiệu quả chung chưa cao. Sự phân tán ý kiến (ĐLC cao nhất 0,60) cho thấy tồn tại sự khác biệt trong nhận thức giữa CBQL và GV, phản ánh tính chưa thống nhất về mục tiêu và cách thức kiểm tra, đánh giá.

Thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá HĐTN trong dạy học môn Tiếng Anh tại các trường THCS phường Rạch Dừa hiện nay ở mức trung bình, có điểm sáng nhưng còn nhiều hạn chế. Các trường đã có bước đầu triển khai tiêu chí và phân công trách nhiệm rõ ràng, song việc phản hồi và ứng dụng kết quả vào cải tiến chưa hiệu quả. Đặc biệt, công tác đánh giá chưa thực sự trở thành động lực thúc đẩy chất lượng dạy học và phát triển năng lực toàn diện cho HS. Do đó, cần có giải pháp quản lí đồng bộ: hoàn thiện tiêu chí, nâng cao năng lực đánh giá cho GV, tăng cường phản hồi hai chiều và khai thác dữ liệu đánh giá để cải tiến quá trình dạy học.

### 3.5. Đánh giá chung về thực trạng

*3.5.1. Điểm mạnh*

Kết quả khảo sát cho thấy công tác quản lí HĐTN trong dạy học môn Tiếng Anh ở các trường THCS phường Rạch Dừa đã hình thành một số điểm mạnh đáng ghi nhận. Trước hết, nhà trường và GV đã nhận thức rõ vai trò của HĐTN trong phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác và tự chủ của HS theo định hướng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Điều này thể hiện qua việc mục tiêu hoạt động được xác định tương đối rõ, bám sát yêu cầu hình thành năng lực ngôn ngữ và kỹ năng sống.

Bên cạnh đó, các hình thức HĐTN bước đầu được đa dạng hóa, bao gồm mô phỏng tình huống giao tiếp, thảo luận nhóm, đóng vai, tham quan và dự án học tập. Sự đa dạng này góp phần tạo môi trường thực hành ngoại ngữ sinh động và có tính kết nối với thực tiễn.

Trong công tác chỉ đạo, Ban giám hiệu quan tâm hỗ trợ chuyên môn cho GV, đặc biệt trong việc thiết kế hoạt động phù hợp trình độ HS và gắn với mục tiêu chương trình. Việc phân công trách nhiệm trong kiểm tra - đánh giá giữa GV bộ môn, GV chủ nhiệm và cán bộ quản lí cũng được thực hiện khá rõ ràng, góp phần bảo đảm tính minh bạch và khách quan trong đánh giá HĐTN.

Nhìn chung, nhận thức đúng, định hướng chuyên môn tương đối thống nhất và sự đa dạng bước đầu trong hình thức tổ chức là những điểm mạnh nổi bật, tạo nền tảng cho việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả quản lí HĐTN trong dạy học môn Tiếng Anh tại các trường THCS phường Rạch Dừa trong giai đoạn tiếp theo.

*3.5.2. Hạn chế*

Từ kết quả khảo sát và phỏng vấn, có thể nhận thấy công tác quản lí HĐTN trong dạy học môn Tiếng Anh tại các trường THCS phường Rạch Dừa còn bộc lộ nhiều hạn chế mang tính hệ thống. Trước hết, công tác lập kế hoạch chưa thật sự sâu và linh hoạt: mục tiêu tuy được xác định nhưng việc cụ thể hóa thành nội dung, hình thức và nguồn lực phù hợp vẫn hạn chế; nhiều kế hoạch còn thiên về hình thức, chưa gắn sát điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương.

Ở phương diện tổ chức thực hiện, mức độ tham gia chủ động của HS còn thấp, chưa tạo được môi trường trải nghiệm đúng nghĩa để phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh. Mặc dù hình thức HĐTN đã được đa dạng hóa, nhưng quy mô, chất lượng và chiều sâu hoạt động còn chưa đồng đều giữa các trường; GV vẫn lúng túng trong thiết kế hoạt động mang tính trải nghiệm thực tiễn.

Đối với công tác chỉ đạo, sự phối hợp giữa ban giám hiệu, tổ chuyên môn và các lực

lượng xã hội vẫn chưa chặt chẽ, dẫn đến tính lan tỏa và hiệu quả hoạt động chưa cao. Công tác giám sát tuy được thực hiện thường xuyên nhưng còn mang tính hành chính, chưa thực sự là động lực khuyến khích GV đổi mới và sáng tạo.

Ở khâu kiểm tra - đánh giá, dù đã có tiêu chí và phân công trách nhiệm tương đối rõ ràng, nhưng việc phản hồi kết quả cho HS - phụ huynh chưa kịp thời và dữ liệu đánh giá chưa được khai thác hiệu quả để cải tiến nội dung, phương pháp và hình thức HĐTN. Đặc biệt, nhiều GV chưa nhìn nhận HĐTN như một cấu phần giáo dục có vai trò tương đương các hoạt động chính khóa, khiến việc đánh giá chưa phản ánh đầy đủ năng lực của HS.

Tổng thể, những hạn chế trên cho thấy công tác quản lí HĐTN trong dạy học môn Tiếng Anh mới chỉ đạt mức trung bình, thiếu tính đồng bộ, chưa tạo được sự chuyển biến rõ nét trong việc phát triển năng lực ngoại ngữ cho HS theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Đây là cơ sở quan trọng để đề xuất các giải pháp quản lí phù hợp trong phần tiếp theo của nghiên cứu.

*3.5.3. Nguyên nhân*

Từ kết quả khảo sát và phỏng vấn, có thể nhận diện một số nhóm nguyên nhân cơ bản dẫn đến thực trạng quản lí HĐTN trong dạy học môn Tiếng Anh ở các trường THCS phường Rạch Dừa.

Thứ nhất, công tác lập kế hoạch còn thiếu tính linh hoạt và chưa gắn chặt với điều kiện thực tiễn của nhà trường. Mặc dù mục tiêu HĐTN đã được xác định tương đối rõ, nhưng việc cụ thể hóa thành nội dung, hình thức hoạt động và phương án huy động nguồn lực còn hạn chế. Sự thiếu liên kết giữa kế hoạch và điều kiện cơ sở vật chất, sĩ số lớp học, cũng như nguồn lực xã hội khiến tính khả thi của kế hoạch chưa cao.

Thứ hai, năng lực tổ chức HĐTN của GV chưa đồng đều, dẫn đến mức độ chủ động và tham gia tích cực của HS còn thấp. Một bộ phận GV vẫn lúng túng trong việc thiết kế hoạt động dựa trên tiếp cận năng lực, đặc biệt là các tình huống giao tiếp thực tiễn. Điều kiện lớp học đông, quỹ thời gian hạn chế và thiếu hỗ trợ kịp thời trong quá trình triển khai khiến nhiều hoạt động chỉ đạt mức hình thức, chưa tạo được môi trường trải nghiệm sâu cho HS.

Thứ ba, công tác chỉ đạo và giám sát của Ban giám hiệu chưa thật sự phát huy vai trò hỗ trợ, thúc đẩy đổi mới. Việc hướng dẫn chuyên môn có thực hiện nhưng chưa đồng bộ; cơ chế phối hợp giữa tổ chuyên môn, GV bộ môn và các lực lượng ngoài nhà trường chưa chặt chẽ; hoạt động giám sát đôi khi mang tính kiểm tra hành chính hơn là hỗ trợ chuyên môn. Điều này làm giảm động lực đổi mới của GV trong triển khai HĐTN.

Thứ tư, hoạt động kiểm tra - đánh giá trong HĐTN chưa được khai thác hiệu quả. Dù các tiêu chí đánh giá đã được xây dựng và phân công trách nhiệm tương đối rõ ràng, nhưng phản hồi đến HS và phụ huynh chưa kịp thời; dữ liệu đánh giá chưa được sử dụng như căn cứ để cải tiến nội dung và phương pháp tổ chức. Việc xem HĐTN như hoạt động "phụ trợ" ở một số GV cũng làm giảm vai trò của đánh giá trong thúc đẩy chất lượng dạy học.

Tổng thể, các nguyên nhân trên phản ánh sự thiếu đồng bộ giữa lập kế hoạch - tổ chức - chỉ đạo - đánh giá, cùng với hạn chế về năng lực tổ chức của GV và điều kiện thực tế của nhà trường. Đây là những yếu tố chủ yếu làm cho công tác quản lí HĐTN trong môn Tiếng Anh tại các trường THCS phường Rạch Dừa chỉ đạt mức trung bình, chưa đáp ứng yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

## 4. Kết luận

Kết quả khảo sát cho thấy công tác quản lí HĐTN trong dạy học môn Tiếng Anh tại các trường THCS phường Rạch Dừa mới đạt mức trung bình, thể hiện sự thiếu đồng bộ giữa các

khâu lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và đánh giá. Mặc dù nhà trường và GV đã nhận thức được vai trò của HĐTN và bước đầu đa dạng hóa hình thức tổ chức, song việc cụ thể hóa mục tiêu, huy động nguồn lực, bảo đảm sự tham gia tích cực của HS và khai thác dữ liệu đánh giá vẫn còn hạn chế. Công tác chỉ đạo và phối hợp lực lượng trong và ngoài nhà trường chưa thật sự hiệu quả, trong khi hoạt động đánh giá chưa trở thành công cụ thúc đẩy cải tiến dạy học. Những kết quả này cho thấy nhu cầu cấp thiết phải hoàn thiện các biện pháp quản lí nhằm nâng cao chất lượng tổ chức HĐTN, đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực ngoại ngữ theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

**Tài liệu tham khảo**


Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018a). *Chương trình giáo dục phổ thông (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018)*.

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018b). *Chương trình môn Tiếng Anh (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018)*.

Barahmeh, M. Y., & Bsharat, T. R. (2021). The Influence of Applying the Principles of Experiential Coyote Drama (ECD) Methods in Teaching English Language from the English language supervisor's perspectives in Jenin city (case study). *Advances in Social Sciences Research Journal*, *8*(4), 662-684. https://doi.org/10.14738/assrj.84.10026.

Bui, M. T. (2025). Exploring factors affecting experiential activities and career guidance based on competency-based approaches for high school students in Ho Chi Minh City. *Journal of Advanced Education and Sciences*, *5*(4), 22–29. https://doi.org/10.64171/JAES.5.4.22-29

Đinh, T. K. T., Nguyễn, T. B. L., Vũ, P. L., Lại, T. Y. N., & Trần, T. Q. T. (2019). *Tài liệu tìm hiểu chương trình hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (Trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018)*. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. https://dtbdtx.hnue.edu.vn/Portals/0/Tai%20lieu%20tim%20hieu%20chuong%20trinh%20Hoat%20dong%20trai%20nghiem.pdf

Kolb, D. A. (1984). *Experiential learning: Experience as the source of learning and development*. Prentice Hall. https://learningfromexperience.com/downloads/research-library/experiential-learning-theory.pdf

Kujalová, J. (2006). *Use of experiential learning in teaching English as a foreign language.* Master's thesis, Masaryk University. https://theses.cz/id/5h39a4/

Phan, T. N., & Lê, M. N. (2017). Kinh nghiệm và học trải nghiệm trong dạy học. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 146, 8-13. http://vjes.vnies.edu.vn/sites/default/files/146_2017-8-13.pdf

Quốc hội. (2019). *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019.*

Trịnh, T. T. (2024). Một số giải pháp triển khai hiệu quả chương trình môn tiếng anh tiểu học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018. *Hong Duc University Journal of Science*, 63, 167-178. https://hdujs.edu.vn/index.php/hdujs/article/view/184